

Số: 21/2023/QĐST-HNGĐ

Hạ Long, ngày 09 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2A/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc : “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh Chu Văn K - Sinh năm 1990

2/ Chị Mai Thị T - sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: tổ 1, khu 4, phường B, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Chu Văn K tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 13/12/2013, nên hôn nhân giữa chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh K chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải cho mâu thuẫn của anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị T và anh K đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh K. Xét thấy, việc chị T và anh K thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Mai Thị T và anh Chu Văn K có 02 con chung là Chu Tuấn K, sinh ngày 30/9/2014 và Chu Mai A, sinh ngày 17/11/2017. Nay ly hôn chị T và anh K thống nhất thỏa thuận chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên của chị T và anh K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mai Thị T và anh Chu Văn K không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên giữa chị T và anh K là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh chị thỏa thuận chị T có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 01/02/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Chu Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung Chu Tuấn K, sinh ngày 30/9/2014 và Chu Mai A, sinh ngày 17/11/2017 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Mai Thị T và anh Chu Văn K không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Mai Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí chị T đã nộp T biên lai thu số 0001318 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị T thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND TP.Hà Long;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS TP. Hà Long;*
- *UBND phường B;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Định